

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2023/DS-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v “Tranh chấp dân sự - Hợp
đồng tín dụng (vay tài sản)”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa Bà **Võ Thị Kim Hoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Quốc Tiến**
2. Bà **Nguyễn Thị Phụng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Trọng Nhân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2023/TLST- DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng (vay tài sản)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2023/QĐXXST-DS ngày 25/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 440/2023/QĐST-DS ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà L, Số B, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện pháp luật: Ông Phạm Doãn S.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Ngọc T, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh D. Địa chỉ chi nhánh: Số B N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền của ông T là anh Nguyễn Anh H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Chi nhánh D.

Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1969.

Bà Trần Thị T1, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(anh H có mặt, ông D, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B ông Nguyễn Anh H trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần B) Bưu điện B - Chi nhánh Đ đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD8202020095 ngày 17/02/2020 với ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1. Số tiền cho vay theo Hợp đồng ký kết là: 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng); Mục đích cho vay: Tiêu dùng mua sắm đồ gia dụng, thời hạn: 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay, lãi suất thỏa thuận 12%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ. Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Đ đã giải ngân cho ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 với dư nợ cao nhất, cụ thể theo Khế ước nhận nợ số 8202020095/01 ký ngày 17/02/2020 với tiền là: 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ trả nợ đã ký kết mặc dù đã được đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần và yêu cầu ông D, bà T1 thanh toán đầy đủ số tiền quá hạn cho Ngân hàng, tuy nhiên ông D, bà T1 không thực hiện thanh toán đầy đủ số tiền quá hạn. Theo quy định Ngân hàng N toàn bộ khoản vay của khách hàng tại Ngân hàng đã bị chuyển sang nợ quá hạn với tổng nợ gốc: 130.656.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền nợ vay khách hàng còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 05/9/2023 là: 148.709.977 đồng. Trong đó nợ gốc: 130.656.000 đồng; Lãi trong hạn là: 13.285.763 đồng, lãi quá hạn là: 4.768.214 đồng.

Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán bộ số nợ gốc, lãi, lãi phạt và các phí phạt theo Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số HDTD8202020095 ngày 17/02/2020 cho Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Đ số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2023 là: 148.709.977 đồng. Trong đó nợ gốc: **130.656.000** đồng, lãi trong hạn là: 13.285.763 đồng, lãi quá hạn là: 4.768.214 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với bị đơn là ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

- Quyết định số 96/2023/QĐ-LienVietPostBank.CNĐT ngày 14/02/2023 về việc ủy quyền cho ông Nguyễn Anh H;
- Bảng kê tính lãi gốc, lãi, lãi quá hạn hồ sơ khởi kiện;
- Giấy chứng minh nhân dân Trần Văn D, Trần Thị T1 (bản photo);
- Sổ hộ khẩu (bản photo);
- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 12/02/2020 (Bản đối chiếu bản sao);
- Hợp đồng tín dụng số HDTD8202020095 ngày 17/02/2020 (Bản đối chiếu bản sao);
- Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8202020095/01 ngày 17/02/2020 (Bản đối chiếu bản sao);
- Quyết định số 2094/2022/QĐ-LienVietPostBank ngày 11/3/2022 (Bản đối chiếu bản sao);
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (Bản đối chiếu bản sao);
- Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 (Bản đối chiếu bản sao);
- Bảng kê tính gốc, lãi quá hạn hồ sơ khởi kiện ngày 05/9/2023.

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 130.656.000 đồng, tiền lãi là 18.053.977 đồng (tính đến ngày 05/9/2023), tổng số tiền là 148.709.977 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là

“Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng (vay tài sản)” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn là ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì Ngân hàng không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B yêu cầu của nguyên đơn: ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán bộ số nợ gốc, lãi, lãi phạt và các phí phạt theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD8202020095 ngày 17/02/2020 cho Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Đ số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2023 là: 148.709.977 đồng. Trong đó nợ gốc: 130.656.000 đồng, lãi trong hạn là: 13.285.763 đồng, lãi quá hạn lãi là: 4.768.214 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, bởi lẽ:

Vào ngày 17/02/2020, ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 có làm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP B với số tiền vốn vay là 280.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay tiêu dùng; lãi suất 12%/năm; lãi suất chậm trả 10%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Việc hai bên ký hợp đồng tín dụng là tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi vay thì ông D, bà T1 đã không thực hiện đúng việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận ký kết và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông D, bà T1 vẫn không trả.

Đồng thời, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Ngân hàng), cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn (Ngân hàng) nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn (ông D, bà T1). Tuy nhiên, bị đơn (ông D, bà T1) vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng

như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn (Ngân hàng).

Do đó, việc Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu các bị đơn là ông D, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vốn vay còn nợ là 130.656.000 đồng và số tiền lãi lãi trong hạn là: 13.285.763 đồng, lãi quá hạn lãi là: 4.768.214 đồng (tính đến ngày 05/9/2023), tổng cộng vốn và lãi là 148.709.977 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

[6] Về án phí:

- Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP B về việc yêu cầu ông D, bà T1 liên đới trả số tiền tổng cộng vốn và lãi là 148.709.977 đồng nên ông D, bà T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.435.500 đồng.

- Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.413.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000552 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B (TMCP) Bưu điện B.

- Buộc ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B) Bưu điện B số tiền 148.709.977 đồng (Một trăm bốn mươi tái triệu bảy trăm lẻ chín nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín dụng ngày 17/02/2020), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Trần Văn D và bà Trần Thị T1 phải liên đới chịu 7.435.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.413.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000552 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa